

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tăng điểm trước thông tin Chính phủ ban hành Nghị quyết 86 đặt mục tiêu TP HCM kiểm soát dịch trước 15/9 và Bình Dương, Long An, Đồng Nai trước 1/9

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

¾ HĐTL giảm điểm trong phiên hôm nay trước biến động giằng co của thị trường cơ sở

[Thông tin doanh nghiệp]

GMD, NKG

[Vĩ mô/Chiến lược]

Thị trường trái phiếu tháng 7 năm 2021

[Cập nhật công ty]

VPB

[Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị tạm thời đóng hết các vị thế ngắn hạn còn lại trong danh mục khi VNIndex tiếp cận vùng cản then chốt đã đề cập, chỉ giữ lại các vị thế trung hạn tương ứng với kỳ vọng vượt đỉnh thành công.

10/08/2021

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,362.43	+0.19
VN30	1,494.41	-0.23
HĐTL VN30F1M	1,494.10	-0.43
HNXIndex	335.08	+1.33
HNX30	549.87	+2.35
UPCoM	90.53	+1.29
USD/VND	22,916	-0.03
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.11	-0
Lãi suất qua đêm (%)	0.83	+11
Dầu (WTI, \$)	67.84	+2.05
Vàng (LME, \$)	1,729.86	-0.00



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,362.43 (+0.19%)
KLGD (triệu CP) 716.5 (+15.4%)
GTGD (triệu US\$) 1,004.0 (+1.7%)

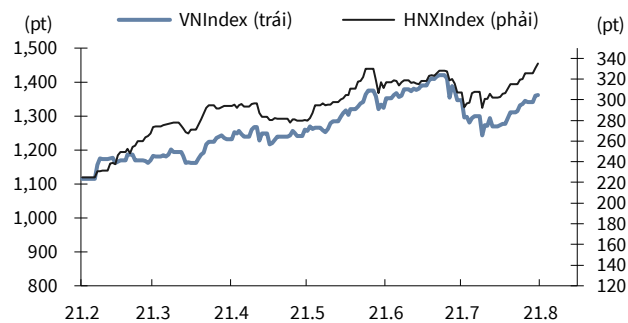
HNXIndex 335.08 (+1.33%)
KLGD (triệu CP) 162.7 (-8.5%)
GTGD (triệu US\$) 170.6 (+15.1%)

UPCoM 90.53 (+1.29%)
KLGD (triệu CP) 102.1 (+33.8%)
GTGD (triệu US\$) 78.0 (+27.0%)

NĐTNN mua ròng (triệu US\$) -24.0

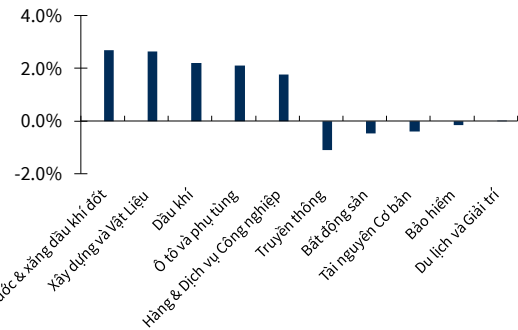
TTCK Việt Nam tăng điểm trước thông tin Chính phủ ban hành Nghị quyết 86 đặt mục tiêu TP HCM kiểm soát dịch trước 15/9 và Bình Dương, Long An, Đồng Nai trước 1/9. Cục Hàng không Việt Nam yêu cầu các hãng hàng không dừng toàn bộ hoạt động vận chuyển hành khách thương lệ giữa các địa phương đang giãn cách xã hội, trong đó có đường bay Hà Nội - TP.HCM, khiến giá cổ phiếu ngành hàng không giảm ở VJC (-0.7%). Hiệp hội Phân bón Việt Nam (FAV) cho biết giá phân bón Việt Nam tăng phi mã 72% từ đầu năm theo xu hướng giá phân bón thế giới, các doanh nghiệp phân bón đã tăng tối đa công suất, giúp giá cổ phiếu ngành phân bón tăng ở DPM (+5.2%), DCM (0.8%). Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn cho biết giá lúa gạo và nông sản khác giảm sâu là do đứt gãy nghiêm trọng chuỗi cung ứng, khiến giá cổ phiếu ngành gạo giảm ở AGM (-1.3%). NĐTNN bán ròng ở HPG (-0.6%), SSI (+0.17%), VIC (-0.1%).

VNIndex & HNXIndex



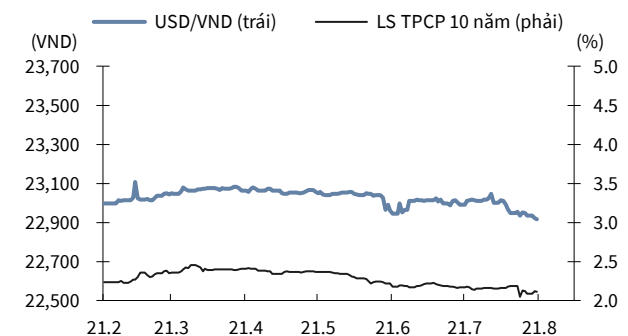
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



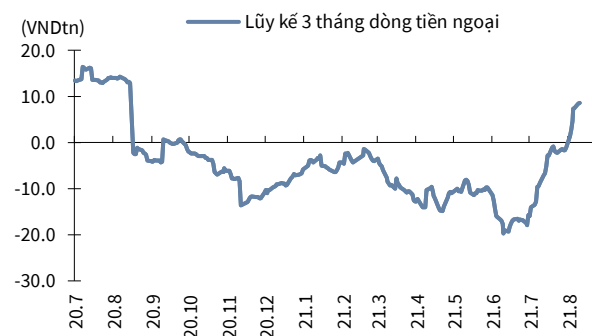
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

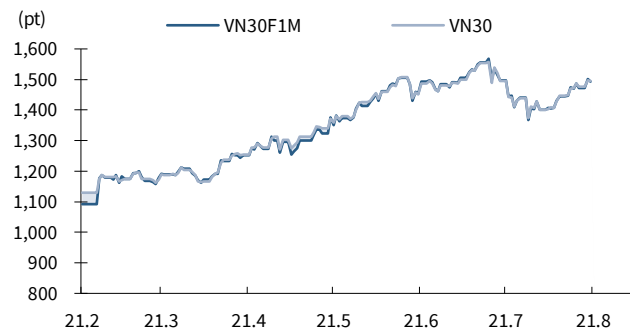
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,494.41 (-0.23%)
VN30F1M	1,494.1 (-0.43%)
Mở cửa	1,501.2
Cao nhất	1,507.5
Thấp nhất	1,485.5

¾ HĐTL giảm điểm trong phiên hôm nay trước biến động giằng co của thị trường cơ sở. Chênh lệch F2108 và chỉ số Vn30 mở cửa ở mức 2.67 điểm, sau đó đảo chiều và diễn biến trong biên độ từ -5 đến 5.4 điểm, đóng cửa ở mức -0.31. Khối ngoại giao dịch cân bằng với thanh khoản cải thiện đáng kể.

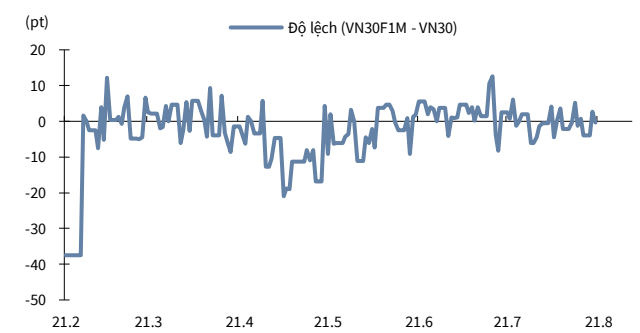
KLGD (HĐ)	274,591 (+37.8%)
------------------	-------------------------

HĐTL VN30F1M & VN30



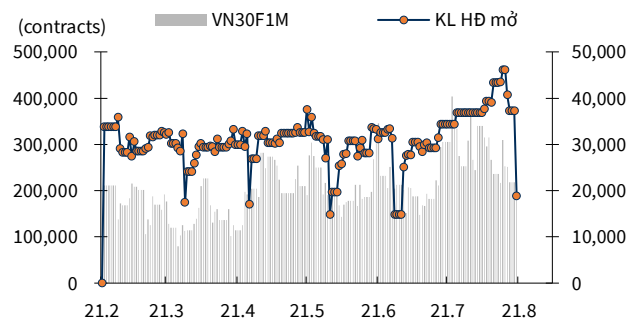
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



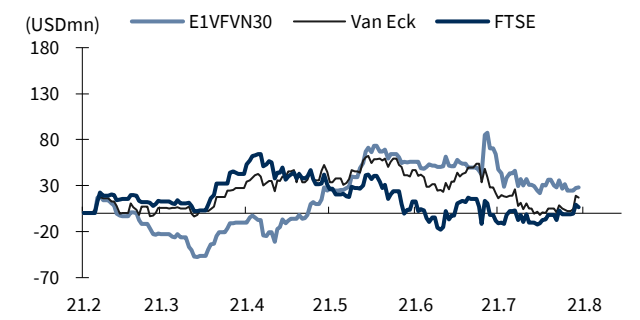
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

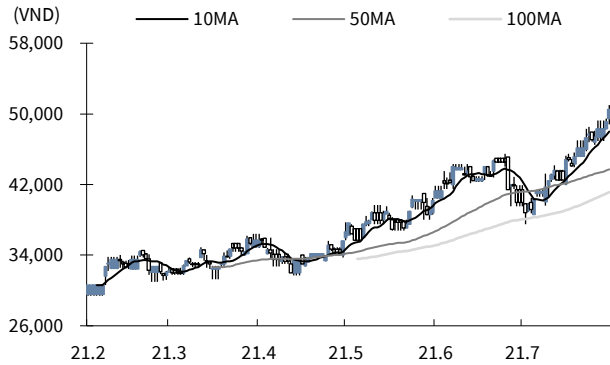
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

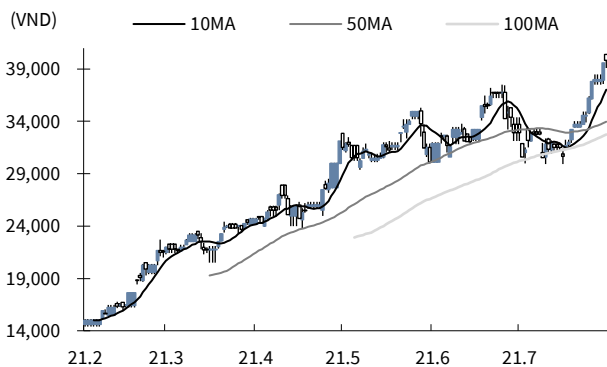
GEMADEPT (GMD)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- GMD tăng 2.9% lên 50,500 VNĐ/cp
- Gemadept thông báo lợi nhuận tháng 7 đạt 42 tỷ đồng (-1% YoY) và doanh thu đạt 239 tỷ đồng (+16% YoY). Trong đó, hoạt động khai thác cảng chiếm 86% doanh thu, còn lại đến từ logistics, cho thuê văn phòng và các hoạt động khác.

Thép Nam Kim (mã)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- NKG tăng 0.6% lên 39,850 VNĐ/cp
- Thép Nam Kim thông báo ngày 24/8 chốt danh sách cổ đông để phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2020.
- Vốn điều lệ của Thép Nam Kim dự kiến tăng từ 1,820 tỷ đồng lên 2,184 tỷ đồng.

10/08/2021

Chuyên viên phân tích Tài chính & Công nghệ
Nguyễn Anh Tùng
tungna@kbsec.com.vn

2Q2021, LNST đạt 4,016 tỷ VND, tăng 36.1% YoY

2Q2021, VPB có kết quả kinh doanh tăng trưởng với thu nhập lãi thuần đạt 9,232 tỷ VND (+19.9% YoY, +1.2% QoQ); TOI đạt 12,047 tỷ VND, tăng 34.6% YoY và 9.0% QoQ.; LNST đạt 4,016 tỷ VND, tăng 36.1% YoY.

VPB kì vọng có thể ghi nhận lợi nhuận thoái vốn FE Credit trong 3Q2021

VPB kì vọng có thể hoàn tất các thủ tục liên quan đến thương vụ bán FE Credit để dòng tiền lợi nhuận có thể chảy về ngân hàng trong 3Q2021, qua đó cải thiện mạnh mẽ các chỉ tiêu thanh khoản và chi phí đầu vào bình quân.

Tiến độ tìm đối tác chiến lược có thể bị ảnh hưởng do tác động của dịch

Diễn biến dịch Covid-19 phức tạp sẽ làm chậm lại tiến độ của thương vụ tìm đối tác chiến lược do: (1) Đàm phán giá ảnh hưởng do các rủi ro ngắn hạn (2) Việc giãn cách ảnh hưởng đến quá trình thương thảo, hoàn thiện giấy tờ.

Giãn cách xã hội sẽ ảnh hưởng đến KQKD 6 tháng cuối năm

Tham chiếu với giai đoạn làn sóng thứ nhất khi Việt Nam thực hiện mạnh giãn cách xã hội, KBSV cho rằng tăng trưởng tín dụng trong 3Q2021 sẽ chậm lại khi các ngân hàng sẽ phải đặt vấn đề quản trị rủi ro lên hàng đầu để đảm bảo chất lượng tài sản.

Khuyến nghị MUA, giá mục tiêu 75,400 VND/cp

Dựa trên kết quả định giá, triển vọng kinh doanh cũng như xem xét các yếu tố rủi ro có thể phát sinh, chúng tôi khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu VPB. Giá mục tiêu là 75,400 VND/cp, cao hơn 24.6% so với giá tại ngày 10/08/2021.

Mua

Giá mục tiêu VND 75,400

Tăng/Giảm	24.6%
Giá hiện tại (10/08/2021)	VND 60,500
Giá mục tiêu thị trường	VND 66,700
Vốn hóa thị trường (Tỷ VND)	149,248

Dữ liệu giao dịch

Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng (%)	95.0%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND/triệu USD)	1,802/77.6
Sở hữu nước ngoài (%)	19.19%
Cơ cấu cổ đông	Ngô Chí Dũng(4.81%)

Biến động giá cổ phiếu

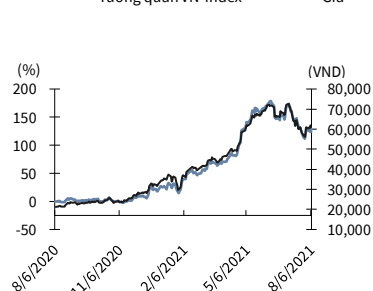
(%)	1M	3M	6M	12M
VPB	-11.9	-7.9	70.9	185.2
VNIndex	-0.4	6.6	28.3	59.4

Dự phóng KQKD & định giá

Cuối năm tài chính	2019A	2020A	2021F	2022F
Thu nhập lãi thuần (tỷ VND)	30,670	32,346	40,011	48,276
LN thuần trước CF DPRRTD (tỷ VND)	24,012	27,641	34,417	41,134
LNST ngân hàng mẹ (tỷ VND)	8,260	10,414	12,737	15,771
EPS (VND)	3,265	4,116	5,005	6,197
Tăng trưởng EPS (%)	12%	26%	22%	24%
PER (x)	18.6	14.7	12.1	9.8
Giá trị sổ sách/CP (BVPS)	16,684	20,867	35,735	44,465
PBR (x)	3.63	2.90	1.70	1.36
ROE (%)	21.5%	21.9%	19.0%	17.5%
Tỉ lệ cổ tức (%)				

Nguồn: Bloomberg, KBSV

Tương quan VN-Index Giá



Nguồn: Bloomberg, KBSV

Thị trường trái phiếu tháng 7 năm 2021

Thanh khoản ổn định

Trạng thái thanh khoản tiền Đồng ổn định

- Lãi suất liên ngân hàng giảm nhẹ và hoạt động thị trường mở kém sôi động
- Giá trị giao dịch trên thị trường sơ cấp tăng do dịch bệnh diễn biến phức tạp đã đẩy nhu cầu mua TPCP từ các NHTM tăng. Thanh khoản trên thị trường thứ cấp giảm với mặt bằng lợi suất TPCP đi ngang.

KBSV dự báo mặt bằng lãi suất liên ngân hàng hạ nhiệt trong khi lợi suất TPCP sẽ đi ngang trong giai đoạn quý 3 khi nguồn cung dự kiến khá lớn nhằm thực hiện kế hoạch phát hành Quý cũng như tài trợ vốn cho các khoản trái phiếu đáo hạn

Thị trường Trái phiếu doanh nghiệp giảm mạnh trong tháng 7

- Nhóm bất động sản và nhóm ngân hàng là những tổ chức phát hành lớn nhất thị trường.

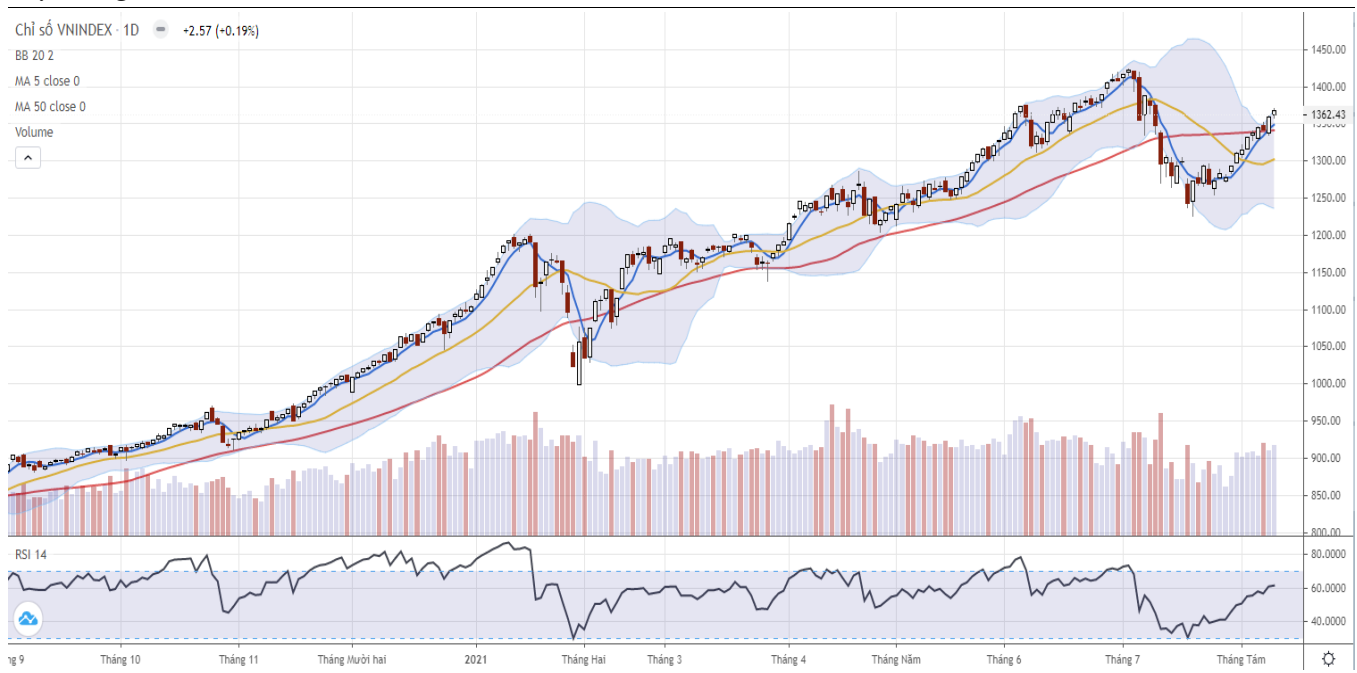
Tỷ giá liên ngân hàng và chợ đen có xu hướng giảm trong tháng 7.

- Tỷ giá liên ngân hàng đi ngang và giảm nhẹ
- Tỷ giá chợ đen giảm do chênh lệch giá vàng trong - ngoài nước thu hẹp dần khoảng cách

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

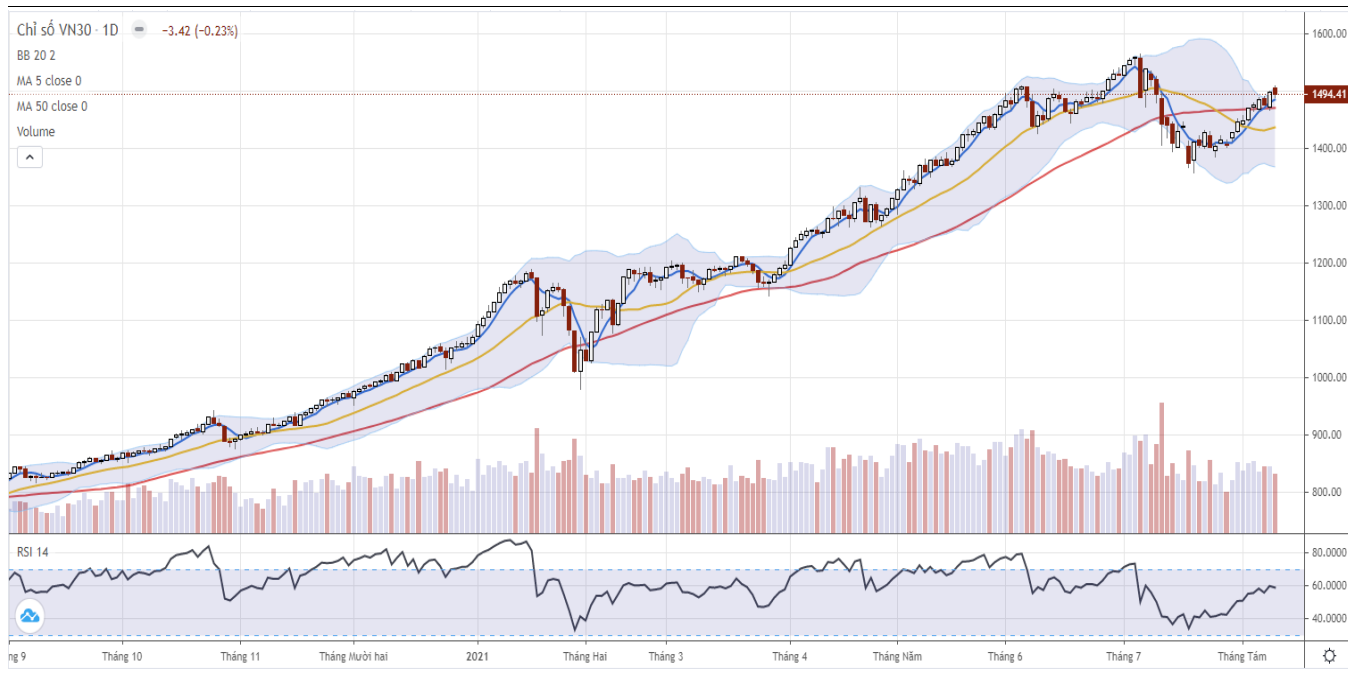
Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



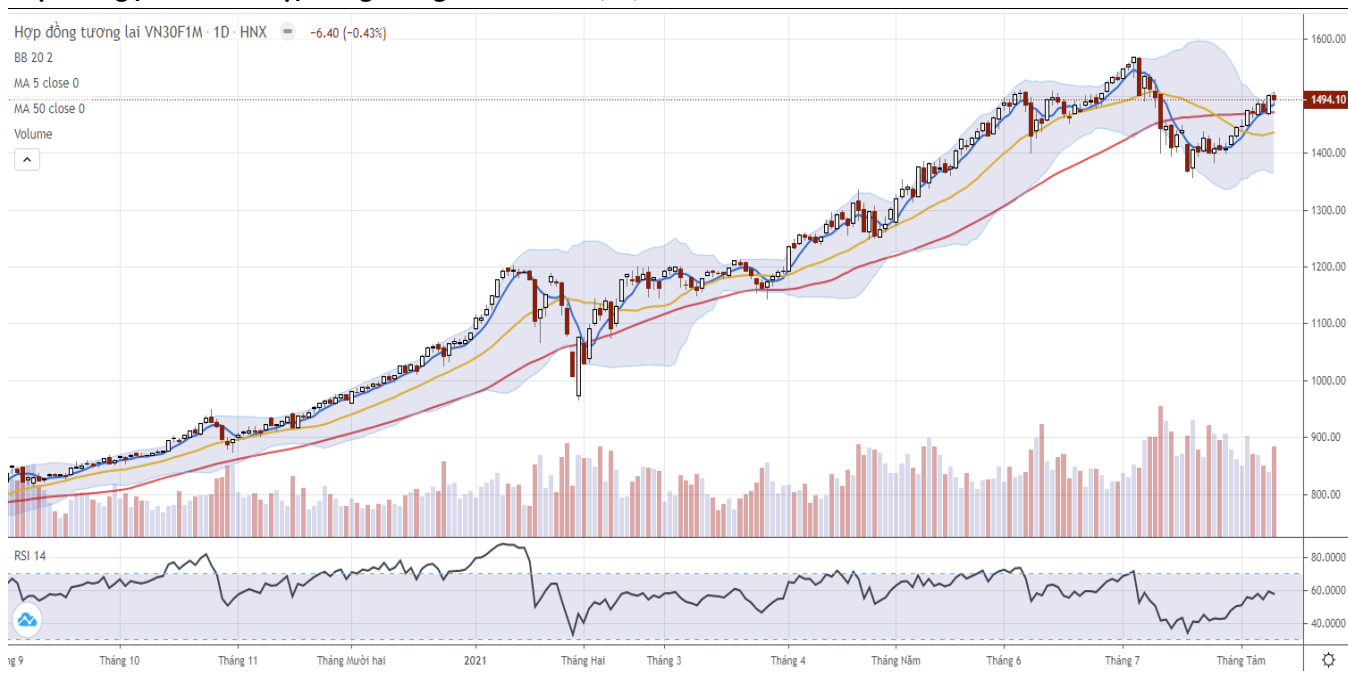
Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex mở gap tăng điểm đầu phiên trước khi quay đầu điều chỉnh sau đó và giằng co về cuối phiên.
- Chúng tôi cho rằng khả năng mở rộng thêm nhịp hồi phục vẫn đang được duy trì với cơ hội thử thách vùng kháng cự kế tiếp tại 138x. Mặc dù vậy, đây được xem là 1 vùng cản mạnh, mang tính quyết định đến khả năng vượt đỉnh của chỉ số nên áp lực bán nhiều khả năng sẽ gia tăng, gây rủi ro đảo chiều cho VNIndex.
- NĐT được khuyến nghị tạm thời đóng hết các vị thế ngắn hạn còn lại trong danh mục khi VNIndex tiếp cận vùng cản then chốt đã đề cập, chỉ giữ lại các vị thế trung hạn tương ứng với kỳ vọng vượt đỉnh thành công.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1516 - 1520

Kháng cự gần: 1510 - 1513

Hỗ trợ gần: 1491 - 1493

Hỗ trợ xa: 1476 - 1481

- F1 vận động giảm cơ quanh tham chiếu trước khi đảo chiều giảm điểm, đánh mất một phần nỗ lực hồi phục trước đó.
- Khả năng mở rộng thêm nhịp hồi phục vẫn đang được duy trì với cơ hội thử thách vùng kháng cự kế tiếp tại 151x. Mặc dù vậy, đây được xem là 1 vùng cản mạnh, mang tính quyết định đến khả năng vượt đỉnh của chỉ số nên áp lực bán nhiều khả năng sẽ gia tăng.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Ưu tiên mở vị thế SHORT tại các vùng kháng cự trong phiên nhưng đặt ngưỡng dừng lỗ chặt.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Tiếp tục thực hiện mở thăm dò 1 phần vị thế SHORT ở các vùng kháng cự trong phiên nhưng đặt ngưỡng dừng lỗ chặt.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

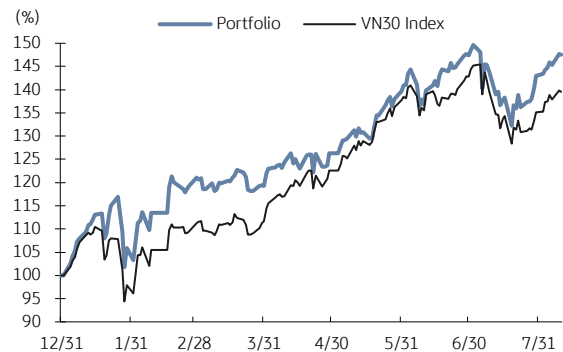
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-0.23%	-0.07%
Tăng lũy kế (YTD)	39.56%	47.57%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 10/08/2021	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	173,900	0.1%	50.0%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	44,400	-0.4%	81.6%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	95,800	-0.7%	25.0%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	29,650	-0.8%	135.6%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - Mcredit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế huy động vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	55,900	0.0%	64.4%	- Mạng cho thuê vẫn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	97,800	0.3%	235.9%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mạng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	01/31/2020	34,650	0.3%	83.3%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	96,000	3.2%	30.8%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	49,400	-0.6%	241.3%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbac City Development (KBC)	09/03/2020	35,800	-1.9%	161.3%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VHM	-0.3%	23.5%	409.2
PLX	1.7%	17.3%	69.1
STB	-0.3%	15.6%	23.6
DRC	1.5%	7.4%	21.8
PET	6.9%	3.9%	11.9

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
HPG	-0.6%	26.7%	-159.3
SSI	0.2%	50.5%	-148.8
VIC	-0.1%	15.1%	-86.2
DPM	5.2%	14.0%	-70.4
GAS	3.2%	2.8%	-57.8

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VCS	1.4%	3.8%	6.0
DXS	0.0%	18.5%	4.9
PAN	2.1%	34.2%	4.5
NTP	0.6%	19.1%	2.0
SHB	1.4%	4.0%	1.2

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
PVS	7.5%	7.8%	-10.6
VND	-1.4%	37.4%	-6.4
BSI	0.4%	2.5%	-4.7
BII	8.5%	2.6%	-1.3
BVS	-0.3%	9.9%	-0.9

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	7.5%	YEG, PNC
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	6.2%	GEX, GMD
Xây dựng và Vật Liệu	6.2%	VGC, VCG
Ô tô và phụ tùng	5.5%	DRC, TCH
Dịch vụ tài chính	5.4%	SSI, VCI

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Du lịch và Giải trí	0.2%	HVN, TCT
Ngân hàng	0.9%	VPB, EIB
Hàng cá nhân & Gia dụng	1.0%	PNJ, TCM
Bảo hiểm	1.5%	BMI, PGI
Y tế	1.6%	IMP, APC

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hóa chất	18.7%	GVR, DPM
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	13.6%	GMD, GEX
Dịch vụ tài chính	13.1%	SSI, VND
Công nghệ thông tin	12.5%	FPT, CMG
Xây dựng và Vật Liệu	11.6%	VGC, VCG

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Ngân hàng	-0.7%	VCB, VIB
Bán lẻ	1.2%	PSH, MWG
Du lịch và Giải trí	2.3%	VJC, TCT
Hàng cá nhân & Gia dụng	2.9%	PNJ, TCM
Y tế	3.5%	IMP, APC

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNĐtỷ, USDm)	GTGD (VNĐtỷ, USDm)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)			EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)		
							20E	21E			20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	110,000	372,067 (16,170)	273,113 (11.9)	22.5	61.3	60.5	14.7	9.3	8.2	4.3	3.9	-0.1	-1.3	4.1	4.4
	VHM	VINHOMES JSC	103,200	339,478 (14,753)	540,669 (23.5)	26.6	12.6	11.1	35.9	31.9	27.6	3.4	2.7	-0.3	5.5	4.0	30.7
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	133,096 (5.8)	17.8	25.9	19.5	-7.6	7.9	10.2	2.1	1.9	-0.9	0.2	1.3	-9.7
	NVL	NO VA LAND INVES	60,068	86,712 (3,768)	291,067 (12.7)	31.3	28.3	31.1	6.7	16.2	13.0	4.5	4.4	-1.3	-0.9	1.1	117.5
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	31,182	19,167 (833)	188,189 (8.2)	11.6	21.7	15.8	18.0	14.0	16.7	2.8	2.4	-1.1	2.3	14.5	57.3
	DXG	DAT XANH GROUP	24,300	12,594 (547)	120,505 (5.2)	13.9	13.7	8.2	-	14.0	18.2	1.6	1.3	-1.3	5.2	0.7	45.1
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	102,000	378,305 (16,441)	165,288 (7.2)	6.3	16.2	13.7	11.7	21.7	21.4	3.2	2.6	0.7	0.2	-9.8	1.1
	BID	BANK FOR INVESTM	43,400	174,556 (7,586)	89,636 (3.9)	12.7	18.4	13.5	-5.3	12.0	14.6	1.9	1.7	0.3	-0.1	-3.6	-9.6
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	1,023,147 (44.5)	0.0	11.1	9.5	14.3	20.0	19.3	2.0	1.7	-0.4	1.0	-7.6	66.0
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	546,041 (23.8)	1.4	9.0	7.6	61.1	19.6	20.0	2.0	1.7	0.3	1.6	-7.8	29.4
	VPB	VIETNAM PROSPERI	41,300	101,381 (4,406)	726,727 (31.6)	0.0	9.1	10.1	18.8	25.1	17.8	1.8	1.5	-0.8	-0.5	12.1	86.2
	MBB	MILITARY COMMERC	19,407	73,327 (3,187)	446,609 (19.4)	0.0	10.0	8.6	14.6	21.7	21.0	1.8	1.5	-0.8	1.2	-4.4	75.6
	HDB	HDBANK	25,500	40,641 (1,766)	105,707 (4.6)	4.2	10.3	8.6	23.3	21.2	20.1	1.9	1.6	0.1	1.9	1.6	49.7
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	829,082 (36.1)	14.0	23.5	15.8	26.5	8.9	11.8	1.8	1.6	-0.3	2.7	5.2	81.1
	TPB	TIEN PHONG COMME	27,850	28,732 (1,249)	191,200 (8.3)	0.0	8.6	7.1	37.5	22.0	21.4	1.8	1.4	0.3	4.2	-2.7	34.3
EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	13,493 (0.6)	0.2	38.6	21.0	27.3	5.8	10.0	1.9	1.8	-1.5	-1.1	-7.6	38.7	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	43,648 (1.9)	21.0	23.1	20.5	15.2	8.4	9.0	1.9	1.8	-0.9	1.3	0.6	-19.1
	BMI	BAOMINH INSURANC	26,700	2,439 (106)	28,442 (1.2)	14.2	14.8	15.1	9.1	11.4	11.7	1.6	1.5	0.1	-3.3	3.7	33.2
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	33,300	19,947 (867)	744,155 (32.4)	55.4	29.6	24.1	-3.2	14.1	14.5	4.4	4.0	0.2	5.1	12.9	79.5
	VCI	VIET CAPITAL SEC	27,500	9,108 (396)	233,977 (10.2)	71.9	18.6	13.7	-4.0	22.5	25.3	3.7	3.2	0.0	10.7	3.6	95.9
	HCM	HO CHI MINH CITY	29,200	8,907 (387)	268,651 (11.7)	52.4	20.8	15.7	-25.5	19.1	21.4	3.4	3.1	-0.2	4.4	7.5	64.6
	VND	VNDIRECT SECURIT	17,211	5,734 (249)	401,457 (17.5)	27.2	19.5	18.3	36.3	21.3	17.0	3.3	2.9	-1.3	2.8	22.7	173.2
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	273,571 (11.9)	42.1	18.4	17.2	4.0	32.6	33.6	5.7	5.5	1.9	2.6	2.8	-17.8
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	23,426 (1.0)	36.9	19.7	17.1	7.3	24.2	24.4	4.3	3.8	-0.6	-0.8	-3.7	-21.0
	MSN	MASAN GROUP CORP	95,100	111,712 (4,855)	183,207 (8.0)	16.5	57.3	33.7	-51.9	13.6	19.0	8.3	6.6	-1.8	0.5	18.5	55.8
HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	73,387 (3.2)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	2.6	9.6	16.1	-46.4	
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	70,044 (3.0)	11.0	158.3	24.2	-88.5	3.8	16.6	3.5	2.9	-0.7	2.3	-0.2	-5.0
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	161,133 (7.0)	10.8	29.9	21.1	-57.0	8.3	11.5	2.4	2.2	2.9	5.9	26.3	54.9
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	30,114 (1.3)	38.4	13.5	8.1	65.7	11.1	9.9	1.0	0.9	-1.4	3.9	0.0	-19.6
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	59,380 (2.6)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	0.6	3.5	3.7	112.6
	GEX	GELEX GROUP JSC	17,224	10,411 (452)	110,295 (4.8)	37.7	17.5	12.2	-12.7	12.7	13.8	-	-	4.7	9.3	8.4	37.1
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	18,472 (0.8)	3.6	17.3	12.3	-52.4	3.5	4.7	0.6	0.5	-1.5	0.6	1.7	-16.5
	REE	REE	59,600	18,419 (800)	29,876 (1.3)	0.0	10.4	9.3	-4.5	13.6	14.0	1.3	1.3	0.0	2.9	5.7	14.2

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USD mn)	GTGD (VND triệu, USD mn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	70,111 (3.1)	46.1	19.1	16.4	-17.5	19.2	20.4	3.5	3.2	3.2	3.2	4.7	10.9
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	7,963 (0.3)	31.4	14.9	9.7	-10.5	9.1	14.1	1.3	1.3	1.3	4.3	-0.5	-21.5
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	4,309 (0.2)	34.1	13.6	10.9	-5.1	9.9	13.3	1.4	1.5	3.4	6.4	-3.0	-1.8
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	32,481	145,287 (6,314)	1,335,139 (58.1)	18.0	7.6	7.5	21.9	38.3	28.5	2.4	1.8	-0.6	4.6	4.4	60.9
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	95,259 (4.1)	36.5	15.5	19.9	-0.5	11.5	7.9	1.5	1.4	5.2	20.1	59.8	73.4
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	98,172 (4.3)	46.5	20.3	20.9	-4.5	10.1	9.1	1.9	1.8	0.9	9.6	34.0	63.2
	HSG	HOA SEN GROUP	22,636	11,063 (481)	447,449 (19.5)	38.9	4.9	7.0	67.9	37.6	24.5	1.8	1.4	-0.1	4.7	9.3	92.4
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	14,150	3,138 (136)	93,240 (4.1)	97.2	10.6	10.8	17.2	10.3	9.9	1.0	1.1	0.6	6.8	7.8	20.5
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	72,763 (3.2)	4.6	19.5	16.4	-51.0	16.2	16.6	2.7	2.7	1.7	5.1	5.9	-1.5
	PVD	PETROVIETNAM DRI	23,400	9,854 (428)	107,685 (4.7)	39.9	43.1	18.0	-11.9	1.4	3.5	0.6	0.6	6.5	7.4	5.9	21.0
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	61,253 (2.7)	35.9	9.6	9.1	1.2	13.6	13.4	1.3	1.2	2.7	7.3	17.0	47.1
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	139,500	65,024 (2,826)	183,772 (8.0)	0.0	16.6	13.6	13.7	26.1	26.4	4.1	3.5	0.1	2.4	-1.5	46.3
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	87,500	19,895 (865)	62,524 (2.7)	0.0	17.2	13.6	2.4	23.4	24.0	3.6	3.0	-0.7	-0.7	-9.2	18.3
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	4,116 (0.2)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	0.8	23.4	4.5	-59.4
	FRT	FPT DIGITAL RETA	28,200	2,227 (097)	124,402 (5.4)	30.3	32.6	21.4	-75.2	8.1	11.8	2.6	2.4	3.8	7.7	40.2	27.5
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	29,593 (1.3)	34.6	9.3	13.0	41.2	22.2	21.9	2.1	2.2	0.0	4.7	4.7	-15.6
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	1,121 (0.0)	45.4	16.9	15.7	10.7	20.3	20.2	3.2	2.9	0.5	1.1	1.6	-8.8
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	014 (0.0)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	0.0	0.0	0.6	10.5
IT	FPT	FPT CORP	68,000	61,301 (2,664)	337,668 (14.7)	0.0	21.5	17.8	15.6	25.0	25.9	4.8	4.2	0.3	2.1	9.0	90.3

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.